|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG MẦM NON AN LINH** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: 19/BC-MNAL | *An Linh, ngày 13 tháng 10 năm 2020* |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai các cơ sở giáo dục năm học 2020-2021**

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 264/PGDĐT ngày 30/9/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2019-2020 và định hướng công tác năm học 2020-2021 theo yêu cầu Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT,

Trường Mầm non An Linh báo cáo thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2019-2020 và định hướng công tác năm học 2020-2021 theo yêu cầu Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT như sau:

**Phần thứ nhất**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Quy mô phát triển.**

Trường MN An Linh có một điểm chính tại Ấp 30/4 xã An Linh, Phú giáo, Bình Dương.

**Tổng số lớp:** 9 nhóm lớp/ 235/110nữ.

- Nhóm trẻ: 38/20 nữ nữ.

- Mẫu giáo: 190/90 nữ.

- Trẻ 5 tuổi: 83/36 nữ.

- Trẻ 5 tuổi học bán trú 83/83đạt tỷ lệ 100%.

- Bán trú: 9 nhóm lớp/ 235/110nữ

Đội ngũ: 33/31nữ

Trong đó.

- BGH: 3/3 nữ

- Giáo viên: 20/20 nữ

- Nhân viên: 10/8nữ

**2. Tình hình chất lượng đội ngũ:**

Trình độ đội ngũ.

* BGH: 3/3 nữ - ĐHMN - Đạt trên chuẩn 100%

- Giáo viên: 20/20 nữ( trong đó ĐH 11; CĐ 6; TC 3) Đạt chuẩn 100%; trên chuẩn 85%

**3. Tình hình đầu tư duy tu, sửa chữa, xây** **mới**

Năm 2019-2020 nhà trường không sữa chữa, không xây mới

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019-2020**

 **1. Kết quả**

Nhà trường đã thực hiện công khai đầy đủ các nội dung theo quy định tại thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT như.

**1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:**

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện. Cụ thể: Chuyên cần: 93.19%; bé ngoan: 90.99%. Riêng trẻ MG 5 tuổi:Chuyên cần: 95.83 %, bé ngoan: 92.6%. ngoài ra, nhà trường còn đạt được các kết quả trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

**1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

**1.3. Công khai thu chi tài chính:**

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

**2. Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 03 công khai của Trường (**hình thức, nội dung, chất lượng thông tin công khai? Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác công khai?).

Nhà trường đã công khai với hình thức như:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học(tháng 9 hàng năm) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại bản tuyên truyền của nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Bất cứ lúc nào nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường sẽ cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

Nội dung công khai: Nhà trường đã công khai các nội dung theoThông tư 36 với 4 biểu mẫu 1, 2, 3, 4.

Chất lượng thông tin công khai: Nhà trường đã công khai tình hình và chất lượng thực tế tại đơn vị giúp cho cán bộ, giáo viên nhân viên và phụ huynh học sinh nắm được như: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, Công khai thu chi tài chính.

**Phần thứ hai**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2019-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG) NĂM HỌC 2020-2021**

**I.TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2020-2021**

**1. Khái quát tình hình trường học năm học 2020-2021**

- Trường MN An Linh có một điểm chính tại Ấp 30/4 xã An Linh, Phú giáo, Bình Dương.

**Tổng số lớp:** 9 nhóm lớp/ 208/ 97 nữ

Nhà trẻ: 2 nhóm/ lớp 32/16 nữ

Khối mầm: 2 lớp 54/23 nữ

Khối chồi: 2 lớp 51/24 nữ

Khối lá: 3 lớp 71/34 nữ

- Tổng số CB-GV-NV của trường là 31/29 nữ cụ thể:

Cán bộ quản lý: 3/3 nữ; trên chuẩn đạt 100%

Giáoviên: 18/18 nữ; đạt chuẩn 15/18 đạt 83.33%;

Nhânviên: 10/8 nữ

Tổng số trẻ ăn bán trú tại trường 100%

**2. Tình hình công khai đầu năm học 2020-2021**

Được sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT nhà trường đã thực hiện các biểu mẫu 1,2,3,4 theoThông tư 36/2017/TT-BGDĐT của cơ sở giáo dục mầm non. Các biểu mẫu công khai được niêm yết trên bảng tin của nhà trường và công khai trên website của đơn vị.

**II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG 3 CÔNG KHAI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2020-2021**

1. **Mục tiêu thực hiện công khai**

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để phụ huynh học sinh, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**2. Nội dung thực hiện**

Tiếp tục thực hiện 3 công khai theoThông tư 36/2017/TT-BGDĐT của cơ sở giáo dục mầm non cụ thể như sau:

**2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

**2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

a) Cơ sở vật chất: Diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

**2.3. Công khai thu chi tài chính**

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

**3. Hình thức và thời điểm công khai:**

**3.1. Hình thức:**

- Công khai trên website của nhà trường

- Niêm yết công khai tại nhà trường.

- Công khai trong các cuộc họp hội đồng sư phạm, họp Ban đại diện CMHS, họp PHHS toàn trường.

**3.2. Thời điểm công khai:**

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai các cơ sở giáo dục năm học 2020 - 2021 của trường MN An Linh.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Phòng GD&ĐT;- Lưu VT. | **HIỆU TRƯỞNG** **Vũ Thị Lệ Hằng** |